

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

MÔN: KHTN 6

1. Khung ma trận và đặc tả đề kiểm tra cuối kì 1 môn Khoa học tự nhiên, lớp 6

a) Khung ma trận

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra học kì 1 khi kết thúc nội dung: 8. Đa dạng thế giới sống - Phân loại thế giới sống
- **Thời gian làm bài:** 60 phút.
- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).
- **Cấu trúc:**
 - Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.
 - Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm, (gồm 20 câu hỏi: nhận biết: 16 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm;
 - Phần tự luận: 5,0 điểm (Nhận biết: 0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).
 - Nội dung nửa đầu học kì 1: 25% (2,5 điểm)
 - Nội dung nửa học kì sau: 75% (7,5 điểm)

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1. Mở đầu (7 tiết)		2								2	0,5
2. Các phép đo		4	1				1		2	4	2,25

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3. Các thể (trạng thái) của chất. Oxygen (oxi) và không khí.		2								2	0,5
4. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng.				1						1	0,25
5. Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch. Tách chất ra khỏi hỗn hợp.		1	1	1					1	2	1,75
6. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống.		4								4	1,0
7. Từ tế bào đến cơ thể.		1								1	0,25
8. Đa dạng thế giới sống - Virus và vi khuẩn.		2	1/3	2	2/3	0	0	0	1	4	3,5
Số câu		16	2+1/3	4	2/3	0	1	0	4	10	10,00

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6**

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Điểm số		4,0	2,0	1,0	2,0	0	1,0	0	5,0	5,0	10
Tổng số điểm	4,0 điểm		3,0 điểm		2,0 điểm		1,0 điểm		10 điểm		10 điểm

b) Bản đặc tả

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
1. Mở đầu (7 tiết)				2		
- Giới thiệu về Khoa học tự nhiên. Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự	Nhận biết			2		
		– Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên.				
		– Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.		1		C1
		– Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiển vi,...).		1		C16

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
nhiên - Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành	Thông hiểu					
		– Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.				
		– Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống.				
		– Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống.				
	Vận dụng bậc thấp					
		– Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học.				
		– Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.				
		– Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành.				
	2. Các phép đo (10 tiết)		2	4		
- Đo chiều dài, khối lượng và thời gian - Thang nhiệt	Nhận biết					
		- Nêu được cách đo chiều dài, khối lượng, thời gian.		1		C3
		- Nêu được đơn vị đo chiều dài, khối lượng, thời gian.				
		- Nêu được dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ.		3		C2,C4,C5

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
độ Celsius, đo nhiệt độ	Thông hiểu	– Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật.				
		- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng (chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ)				
		– Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius.				
		– Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ.				
		– Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo.	1		C1	
		- Ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản.				
	Vận dụng bậc thấp	- Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của mỗi loại nhiệt kế.				
		- Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số).				
		- Dùng thước (cân, đồng hồ) để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.				
		– Thực hiện đúng thao tác để đo được chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) bằng thước (cân đồng hồ, đồng hồ, nhiệt kế) (không				

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		<i>yêu cầu tìm sai số).</i>				
	Vận dụng bậc cao	Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) khi quan sát một số hiện tượng trong thực tế ngoài ví dụ trong sách giáo khoa. - Thiết lập được biểu thức quy đổi nhiệt độ từ thang nhiệt độ Celsius sang thang nhiệt độ Fahrenheit, Kelvin và ngược lại.	1		C2	
	3. Các thể (trạng thái) của chất. Oxygen (oxi) và không khí (7 tiết)			2		
– Sự đa dạng của chất – Ba thể (trạng thái) cơ bản của – Sự chuyển đổi thể (trạng thái) của chất	Nhận biết	Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh)		1		C6
		– Nêu được chất có ở xung quanh chúng ta.				
		– Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên.				
		- Nêu được chất có trong các vật thể nhân tạo.				
		- Nêu được chất có trong các vật vô sinh.				
		- Nêu được chất có trong các vật hữu sinh.				
		Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc.				
		– Nêu được khái niệm về sự nóng chảy		1		C7

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6**

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		– Nêu được khái niệm về sự sôi.				
		– Nêu được khái niệm về sự bay hơi.				
		– Nêu được khái niệm về sự ngưng tụ.				
		– Nêu được khái niệm về sự đông đặc.				
	Thông hiểu	- Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh.				
		– Nêu được tính chất vật lí, tính chất hoá học của chất.				
		– Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.				
		– Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể rắn.				
		– Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể lỏng.				
		– Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể khí.				
		- So sánh được khoảng cách giữa các phân tử ở ba trạng thái rắn, lỏng và khí.				
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự nóng chảy.				
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự đông đặc.				

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự bay hơi.				
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự ngưng tụ.				
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự sôi.				
		– Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...).				
		– Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu.				
		– Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước).				
		– Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên.				
		– Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.				
	Vận dụng					
		– Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể rắn sang thể lỏng của chất và ngược lại.				
		– Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể lỏng sang thể khí.				
		– Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần				

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		trăm thể tích của oxygen trong không khí.				
		– Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm.				
	Vận dụng cao	- Dự đoán được tốc độ bay hơi phụ thuộc vào 3 yếu tố: nhiệt độ, mặt thoáng chất lỏng và gió. - Đưa ra được biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí. – Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.				
	4. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng (8 tiết)			2		
– Một số vật liệu – Một số nhiên liệu – Một số nguyên liệu – Một số lương thực – thực phẩm	Nhận biết	– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thủy tinh,...;				
		– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: than, gas, xăng dầu, ...;				
		– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: quặng, đá vôi, ...				
		– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực – thực phẩm trong cuộc sống.		1		C8

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
	Thông hiểu	- Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt,...) của một vật liệu.				
		Đề xuất phương án tìm hiểu về một số tính chất của một số nhiên liệu				
		Đề xuất phương án tìm hiểu về một số tính chất của một số nguyên liệu				
		- Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số thành phần và tính chất của một số lương thực, thực phẩm. - Hiểu được tác hại của một số đồ ăn nhanh, ăn quá nhiều mà ít hoạt động sẽ dẫn đến cơ thể không cân đối, sức khỏe không tốt.		1		C4
	Vận dụng					
		– Trình bày được sơ lược về an ninh năng lượng.				
		– Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng.				
		– Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm.				
	Vận dụng	Đưa ra được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an				

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
	cao	toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.				
	5. Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch. Tách chất ra khỏi hỗn hợp (6 tiết)		1	2		
	Nhận biết					
		– Nêu được khái niệm hỗn hợp.				
		– Nêu được khái niệm chất tinh khiết.		1		C9
		– Nhận ra được một số khí cũng có thể hoà tan trong nước để tạo thành một dung dịch.				
		– Nhận ra được một số các chất rắn hoà tan và không hoà tan trong nước.				
	Thông hiểu					
		- Phân biệt được dung môi và dung dịch.				
		– Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất, hỗn hợp không đồng nhất.				
		– Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương.	1/2	1	C3a	10
		– Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hoà tan trong nước.				
		– Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp	1/2		C3b	

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		và ứng dụng của các cách tách đó. - Phân biệt được các chất có trong hỗn hợp có sự khác nhau về tính chất, biết dựa trên sự khác nhau đó để tách chất ra khỏi hỗn hợp.				
	Vận dụng					
		– Thực hiện được thí nghiệm để biết dung môi là gì.				
		– Thực hiện được thí nghiệm để biết dung dịch là gì.				
		– Chỉ ra được mối liên hệ giữa tính chất vật lí của một số chất thông thường với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn.				
		– Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết.				
		– Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết.				
	6. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống (9 tiết)			4		
– Khái niệm tế bào – Hình dạng	Nhận biết			4		
		- Nêu được khái niệm tế bào.		1		C11
		- Nêu được chức năng của tế bào.				

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
và kích thước tế bào – Cấu tạo và chức năng tế bào – Sự lớn lên và sinh sản của tế bào – Tế bào là đơn vị cơ sở của sự sống		- Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào.		1		C12
		- Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.				
		- Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh.		1		C13
		- Thông qua quan sát hình ảnh phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật.				
		- Thông qua quan sát hình ảnh phân biệt được tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ.				
		– Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào.		1		C17
	Thông hiểu					
		– Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng ba thành phần chính: màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào.				
		– Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào → 2 tế bào → 4 tế bào... → n tế bào).				
	Vận dụng bậc thấp					
		– Thông qua quan sát hình ảnh phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật, tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ.				

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		- Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học.				
	7. Từ tế bào đến cơ thể (7 tiết)			1		
– Từ tế bào đến mô – Từ mô đến cơ quan – Từ cơ quan đến hệ cơ quan – Từ hệ cơ quan đến cơ thể	Nhận biết					
		- Nêu được khái niệm cơ thể. Lấy được các ví dụ minh họa				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể). - Kể và nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ		1		C18
	Thông hiểu					
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô.				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ quan.				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên hệ cơ quan.				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ thể.				

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6**

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
	Vận dụng bậc thấp	- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô. Từ đó, nêu được khái niệm mô.				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ quan. Từ đó, nêu được khái niệm cơ quan.				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên hệ cơ quan. Từ đó, nêu được khái niệm hệ cơ quan.				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ thể. Từ đó, nêu được khái niệm cơ thể.				
	Vận dụng bậc cao	Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể). Lấy được các ví dụ minh họa trong thực tế.				
	8. Đa dạng thế giới sống - Virus và vi khuẩn (10 tiết)		1	4		
	Nhận biết					
		– Nhận biết được sinh vật có hai cách gọi tên: tên địa phương và tên khoa học.				

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		- Quan sát hình ảnh và mô tả được hình dạng và cấu tạo đơn giản của virus (gồm vật chất di truyền và lớp vỏ protein) và vi khuẩn.		1		C14
		- Dựa vào hình thái, nhận ra được sự đa dạng của vi khuẩn.		1		C15
		- Nêu được một số bệnh do virus và vi khuẩn gây ra.				
	Thông hiểu					
		- Nêu được sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống.		1		C19
		- Dựa vào sơ đồ, phân biệt được các nhóm phân loại từ nhỏ tới lớn theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới.				
		- Lấy được ví dụ chứng minh thế giới sống đa dạng về số lượng loài và đa dạng về môi trường sống.				
		- Phân biệt được virus và vi khuẩn (chưa có cấu tạo tế bào và đã có cấu tạo tế bào).				
		- Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do virus và vi khuẩn gây ra.		1		C20
		- Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do virus và vi khuẩn gây ra.	1/3		C4a	
	Vận dụng					

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6**

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
	bậc thấp	– Thông qua ví dụ nhận biết được cách xây dựng khoá lưỡng phân và thực hành xây dựng được khoá lưỡng phân với đối tượng sinh vật.				
		– Dựa vào sơ đồ, nhận biết được năm giới sinh vật. Lấy được ví dụ minh họa cho mỗi giới.				
		- Vận dụng được hiểu biết về virus và vi khuẩn để giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn.	2/3		C4b,c	

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6

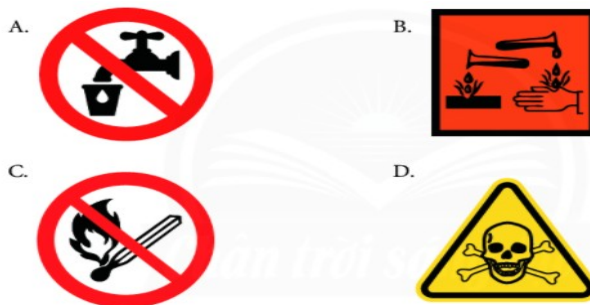
Thời gian làm bài 60 phút

A. TRẮC NGHIỆM: 5,0 điểm

Chọn phương án trả lời đúng và ghi vào giấy làm bài. Ví dụ 1-A, 2-B

• **PHÂN MÔN VẬT LÝ**

Câu 1. Kí hiệu cảnh báo nào sau đây cho biết em đang ở gần vị trí có hoá chất độc hại?



Câu 2. Dụng cụ nào dưới đây không dùng để đo chiều dài?

- A. Thước thẳng. B. Thước dây. C. Đồng hồ. D. Thước cuộn.

Câu 3. Muốn cân một vật bằng cân đồng hồ cho kết quả đo chính xác ta cần làm gì?

- A. Đặt cân ở vị trí không bằng phẳng.
B. Để vật lệch một bên trên đĩa cân.
C. Đặt cân ở mọi vị trí đều cho kết quả chính xác.
D. Đọc kết quả đo khi kim chỉ của đồng hồ đã ổn định.

Câu 4. Để xác định thành tích của một vận động viên chạy 200m người ta phải sử dụng loại đồng hồ nào sau đây?

- A. Đồng hồ quả lắc. B. Đồng hồ treo tường.
C. Đồng hồ để bàn. D. Đồng hồ bấm giây.

Câu 5. Người ta sử dụng dụng cụ nào để đo nhiệt độ?

- A. Nhiệt kế B. Tốc kế C. Cân D. Đồng hồ

• **PHÂN MÔN HOÁ**

Câu 6. Vật thể nhân tạo là

- A. xe đạp. B. con sông. C. con trâu. D. con người.

Câu 7. Sự nóng chảy là sự chuyển thể từ

- A. thể lỏng sang thể khí của chất. B. thể lỏng sang thể rắn của chất.
C. từ thể rắn sang lỏng khí của chất. D. từ thể khí sang thể lỏng của chất.

Câu 8. Cây trồng nào sau đây không được xem là cây lương thực?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6



A. Lúa gạo.



B. Ngô.



C. Mía.



D. Lúa mì.

Câu 9. Trường hợp nào sau đây **không** phải là dung dịch?

- A. Nước đường. B. Nước cất. C. Nước khoáng. D. Nước muối.

Câu 10. Hỗn hợp nào sau đây là huyền phù?

- A. Nước muối. B. Nước phù sa. C. Nước chè. D. Nước máy.

• **PHÂN MÔN SINH HỌC**

Câu 11. Tế bào là

- A. đơn vị cấu tạo cơ bản của tất cả các cơ thể sống.
B. đơn vị cấu tạo cơ bản của tất cả các vật thể.
C. đơn vị cấu tạo cơ bản của tất cả các nguyên liệu.
D. đơn vị cấu tạo cơ bản của tất cả các vật liệu.

Câu 12. Trong các loại tế bào, tế bào nào có kích thước lớn nhất?

- A. Tế bào thần kinh. B. Tế bào gan. C. Tế bào cơ. D. Tế bào hồng cầu.

Câu 13. Cấu tạo tế bào nhân thực, cơ thể đa bào có khả năng quang hợp là đặc điểm của sinh vật thuộc giới nào sau đây?

- A. Khởi sinh. B. Nguyên sinh. C. Thực vật. D. Nấm.

Câu 14. Điều nào sau đây là **không đúng** khi nói về virus?

- A. Chỉ trong tế bào chủ, virus mới hoạt động như một thể sống.
B. Là dạng sống đơn giản, chưa có cấu tạo tế bào.
C. Kích thước của virus vô cùng nhỏ, chỉ có thể thấy được dưới kính hiển vi điện tử.
D. Ở bên ngoài tế bào sinh vật, virus vẫn hoạt động bình thường.

Câu 15. Đặc điểm cơ bản nào dưới đây là cơ sở để xếp vi khuẩn vào giới Khởi sinh?

- A. Kích thước cơ thể nhỏ bé. B. Cơ thể đơn bào, nhân sơ.
C. Sống kí sinh trong tế bào chủ. D. Môi trường sống đa dạng.

Câu 16: Nhà Sở có một kính lúp, hành động nào sau đây khi bảo vệ kính lúp của Sở là **sai**?

- A. Dùng xong rửa kính bằng nước sạch.
B. Để kính ở bàn tiện cho những lần sử dụng.
C. Cất kính vào hộp kín.
D. Lau chùi bằng khăn mềm.

Câu 17: Thành tế bào ở thực vật có vai trò gì?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

- A. Tham gia trao đổi chất với môi trường.
- B. Là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào.
- C. Tham gia cấu tạo hệ thống nội màng.
- D. Quy định hình dạng và bảo vệ tế bào.

Câu 18: Tập hợp các mô cùng thực hiện một hoạt động sống nhất định tạo thành:

- A. Cơ quan.
- B. Mô.
- C. Tế bào.
- D. Hệ cơ quan.

Câu 19: Vì sao cần phải phân loại thế giới sống?

- A. Để xác định số lượng các loài sinh vật trên Trái Đất.
- B. Để đặt và gọi tên các loài sinh vật khi cần thiết.
- C. Để thấy được sự khác nhau giữa các loài sinh vật.
- D. Để xác định vị trí của các loài sinh vật giúp cho việc tìm ra chúng giữa các sinh vật trở nên dễ dàng hơn.

Câu 20: Nguyên nhân gây bệnh viêm da là?

- A. Vi khuẩn tả
- B. Vi khuẩn tụ cầu vàng
- C. Vi khuẩn lao
- D. Vi khuẩn lactic

II. TỰ LUẬN: 5.0 điểm

• **PHÂN MÔN LÝ**

Câu 1. Vì sao ta cần phải ước lượng khối lượng trước khi cân?

Câu 2. (1 điểm) Đổi đơn vị

a) Thiết lập biểu thức cách đổi độ C sang độ F và ngược lại .

b) $28^{\circ}\text{C} = \dots\dots\dots^{\circ}\text{F}$ c) $86^{\circ}\text{F} = \dots\dots\dots^{\circ}\text{C}$

• **PHÂN MÔN HOÁ**

Câu 3. (1,25điểm):

- a) Nước đường và nước bột sắn dây có cũng trong suốt không? Cốc nào là dung dịch, cốc nào là huyền phù ? Sau 30 phút, ở mỗi cốc có sự thay đổi nào không?
- b) Khai thác dầu mỏ dưới đáy biển thường thu được hỗn hợp dầu mỏ và nước biển, Người ta làm thế nào để tách dầu mỏ ra hỗn hợp?

• **PHÂN MÔN SINH HỌC**

Câu 4:

- a) Chúng ta cần làm những việc gì để phòng tránh bệnh do virus gây nên ?
- b) Chúng ta có nên sử dụng thức ăn đã bị ôi thiu không? Vì sao?
- c) Điều gì sẽ xảy ra trong khi làm sữa chua, sau thời gian ủ ấm hỗn hợp làm sữa chua, nếu để sản phẩm ở ngoài (không cho vào tủ lạnh)?

----- Hết -----

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

Hướng dẫn chấm

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 1

A. TRẮC NGHIỆM: 5 điểm (đúng mỗi câu được 0,2 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
ĐA	B	C	D	D	B	A	C	A	B	B
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐA	A	A	C	D	C	A	D	A	D	B

B. TỰ LUẬN: 5 điểm

Đáp án	Điểm
Câu 1. Ta cần phải ước lượng khối lượng trước khi cân: Để chọn cân phù hợp.	0,25
Câu 2. (1 điểm) Đổi đơn vị a) Thiết lập biểu thức cách đổi độ C sang độ F và ngược lại: - Thiết lập biểu thức cách đổi độ C sang độ F: $^{\circ}\text{F} = ^{\circ}\text{C} \times 1.8 + 32$ - Thiết lập biểu thức cách đổi độ F sang độ C: $^{\circ}\text{C} = (^{\circ}\text{F} - 32) / 1.8$ b) $28^{\circ}\text{C} = 82,4^{\circ}\text{F}$ c) $86^{\circ}\text{F} = 30^{\circ}\text{C}$	0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 3. a)- Nước đường và nước bột sắn dây có cùng trong suốt không : + Nước đường trong suốt, bột sắn dây trắng đục. - Cốc nào là dung dịch, cốc nào là huyền phù : + Nước đường là dung dịch, bột sắn dây là huyền phù b)- Sau 30 phút, ở mỗi cốc có sự thay đổi : Cốc đường không thay đổi, cốc bột sắn dây thấy, bột sắn lắng xuống đáy cốc. b) Khai thác dầu mỏ dưới đáy biển thường thu được hỗn hợp dầu mỏ và nước biển, Người ta để tách dầu mỏ ra hỗn hợp : Để tách dầu mỏ khỏi hỗn hợp dầu mỏ và nước biển người ta có thể dùng phương pháp chiết. Dầu mỏ ít tan trong nước và nhẹ hơn nước nên khi cho vào phễu chiết thu được nước biển (ở bình hứng), dầu mỏ ở phễu	0,25 0,25 0, 25 0,25 0,25

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

chiết.	
Câu 4:	
a) Những việc chúng ta cần làm để phòng tránh bệnh do virus gây nên :	0,25
+ Hiểu về con đường truyền bệnh để có hành động phù hợp, tránh lây bệnh.	
+ Đeo khẩu trang, khử khuẩn, ăn uống và sinh hoạt điều độ, vệ sinh sạch sẽ. Phương pháp hữu hiệu nhất để phòng ngừa bệnh do virus gây ra là tiêm vaccine.	0,25
b) Không nên sử dụng thức ăn ôi thiu.	
Vì: thức ăn bị ôi thiu là do thức ăn không được bảo quản tốt, bảo quản thức ăn không đúng cách dẫn đến các vi khuẩn hoại sinh sinh sôi. Nếu ăn vào sẽ gây hại đến cơ thể.	0,25
c) Sữa chua do vi khuẩn lên men mà tạo thành.	
Nếu để bên ngoài sẽ là môi trường thuận lợi cho vi khuẩn trong sữa chua lên men nhanh hơn, sữa chua sẽ nhanh hỏng và khó bảo quản.	0,25
Vì thế phải bảo quản sữa chua trong ngăn mát tủ lạnh để làm giảm sự lên men của vi sinh, giúp sữa chua để được lâu hơn và luôn giữ được mùi vị thơm ngon.	0,5
	0,5